

PHÂN BIỆT NHỮNG CẶP TỪ DỄ NHẦM LẪN TRONG TIẾNG ANH

Tài liệu chuyên đề ôn thi Tiếng Anh - Sinh động & Dễ hiểu

1. Fee vs. Fare (Tiền phí dịch vụ / học phí vs. Tiền vé xe cộ)

- **Fee:** Tiền phí trả cho dịch vụ chuyên môn, học phí trường lớp.

Ví dụ: Parents have to pay school tuition fees at the beginning of every term.

→ Lờì dịch: Các bậc phụ huynh phải đóng học phí trường vào đầu mỗi học kỳ.

- **Fare:** Tiền vé đi lại trên các phương tiện giao thông (xe buýt, tàu, máy bay).

Ví dụ: Bus fares in the city have gone up by 15% this year.

→ Lờì dịch: Tiền vé xe buýt trong thành phố đã tăng lên 15% trong năm nay.

2. Lend vs. Borrow (Cho mượn vs. Đi mượn / Vay)

- **Lend:** Cho ai đó mượn đồ (hành động từ phía người có đồ đem cho).

Ví dụ: Can you lend me some money until next Monday?

→ Lời dịch: Bạn có thể cho tôi mượn ít tiền cho đến thứ Hai tuần tới được không?

- **Borrow:** Đi mượn / vay đồ từ ai đó (hành động từ phía người đi mượn về).

Ví dụ: I need to borrow a grammar book from the school library.

→ Lời dịch: Tôi cần mượn một cuốn sách ngữ pháp từ thư viện trường.

3. Receipt vs. Bill (Biên lai xác nhận đã trả vs. Hóa đơn yêu cầu thanh toán)

- **Receipt:** Biên lai, giấy xác nhận đã thanh toán tiền mua hàng.

Ví dụ: Please keep your purchase receipt in a safe place.

→ Lời dịch: Xin vui lòng giữ biên lai mua hàng của bạn ở một nơi an toàn.

- **Bill:** Hóa đơn yêu cầu trả tiền (ăn uống nhà hàng, tiền điện nước).

Ví dụ: The waiter brought us the food bill after we finished dinner.

→ Lời dịch: Người phục vụ đã mang hóa đơn tính tiền ăn cho chúng tôi sau khi dùng xong bữa tối.

Xin lưu ý những người sử dụng: chương trình tiếng Anh tương tác “From ZERO to MASTER” này chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome + Fire Fox + Cốc Cốc + Opera...

Nhưng không thể chạy được trên chương trình cũ Internet Explorer.

Если các bạn có những thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin mời liên hệ với
Mr. Lê Đại Phong.

Composed by Mr. Lê Đại Phong – www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE ➡ –
phone & Zalo 0971386608**